

Số: 07/2025/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 15 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1998; HKTT: thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (sau ngày 01/7/2025 là thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên); Nơi ở: xóm C, thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên);

2. *Bị đơn*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1990; trú tại: thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (sau ngày 01/7/2025 là thôn L, xã T, tỉnh Hưng Yên);

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Cháu Bùi Lê Tuấn A, sinh ngày 22/11/2023.

Đại diện theo pháp luật của cháu Tuấn A là anh T và chị N - là bố mẹ đẻ.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212 và 213 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 73, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Hồng N và anh Bùi Văn T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Hồng N và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: chị Lê Thị Hồng N và anh Bùi Văn T có 01 con chung là Bùi Lê Tuấn A, sinh ngày 22/11/2023. Ly hôn, chị N và anh T thỏa thuận: Giao cháu Bùi Lê Tuấn A cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị N số tiền 2.000.000đ/tháng, thời điểm cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8/2025.

Anh Bùi Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, chị N, anh T hoặc các cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. *Về tài sản chung, công sức, công nợ*: không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Chị Lê Thị Hồng N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu số 0000356 ngày 12/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên (sau ngày 01/7/2025 là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên), chị N đã nộp đủ tiền án phí; hoàn trả chị N 150.000đ. Anh Bùi Văn T phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND KV1-Hưng Yên;*
- *UBND xã Tân Hưng (GCNKH số 03 ngày 16/012023);*
- *Phòng THADS KV1-Hưng Yên;*
 - *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

ĐÀO THÚY HÀ